

**TÒA ÁN NHÂN DÂN
HUYỆN PHÚ NINH
TỈNH QUẢNG NAM**

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

Bản án số: **48/2021/HNGĐ-ST**

Ngày: 31-3-2021

V/v “Ly hôn, tranh chấp nuôi con
khi ly hôn”.

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**

TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN PHÚ NINH, TỈNH QUẢNG NAM

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Bà Phan Thị Bé.

Các Hội thẩm nhân dân:

1. Ông Bùi Kim Anh.

2. Ông Lê Văn Nguyên.

- Thư ký phiên tòa: Bà Nguyễn Thị Mận - Thư ký Tòa án nhân dân huyện Phú
Ninh, tỉnh Quảng Nam.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Phú Ninh, tỉnh Quảng Nam tham gia
phiên tòa: Bà Nguyễn Thị Hương - Kiểm sát viên.

Ngày 31 tháng 3 năm 2021, tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện Phú Ninh, tỉnh
Quảng Nam xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số: 119/2020/TLST-HNGĐ ngày 15
tháng 10 năm 2020 về “Ly hôn, tranh chấp về nuôi con khi ly hôn” theo Quyết định đưa
vụ án ra xét xử số: 02/2021/QĐXXST-HNGĐ ngày 17 tháng 02 năm 2021, giữa các
đương sự:

1. Nguyên đơn: Bà Huỳnh N, sinh năm 1981; địa chỉ: thôn T, xã D, huyện P, tỉnh
Quảng Nam. Có mặt.

2. Bị đơn: Ông Phùng C, sinh năm 1982; địa chỉ: thôn T, xã D, huyện P, tỉnh
Quảng Nam. Vắng mặt.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

- Tại đơn khởi kiện, bản tự khai, các buổi làm việc tại Tòa án và tại phiên tòa
hôm nay nguyên đơn bà Bà Huỳnh N trình bày: Bà và ông Phùng C tự nguyện tìm hiểu,
xây dựng gia đình vào năm 2006, có đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân xã D, huyện
P, tỉnh Quảng Nam. Trong thời gian chung sống giữa vợ chồng bà luôn xảy ra nhiều bất
đồng, mâu thuẫn do ông C thường xuyên uống rượu về đập phá, chửi bới, xúc phạm bà.
Năm 2017, bà từng yêu cầu Tòa giải quyết ly hôn với ông C. Quá trình giải quyết, vợ
chồng bà được Tòa án hòa giải đoàn tụ, nhưng cuộc sống vợ chồng không cải thiện

được, mâu thuẫn ngày càng trầm trọng. Nay tình cảm vợ chồng không còn nên bà yêu cầu Tòa giải quyết cho bà được ly hôn với ông Phùng C.

Về nuôi con chung: Bà và ông Phùng C có 01 con chung là Phùng T, sinh ngày 24 tháng 3 năm 2006. Khi ly hôn, bà có nguyện vọng được trực tiếp nuôi con chung đến đủ tuổi thành niên và yêu cầu ông C cấp dưỡng nuôi con chung mỗi tháng là 1.500.000 đồng cho đến khi cháu T đủ tuổi thành niên.

Về chia tài sản chung: Vợ chồng bà tự thỏa thuận, bà không yêu cầu Tòa án giải quyết. Về nợ chung, nợ riêng: Vợ chồng bà không nợ ai, không ai nợ vợ chồng bà, bà không yêu cầu Tòa án giải quyết.

- Quá trình giải quyết vụ án, từ khi thụ lý đến phiên tòa hôm nay, mặc dù đã được Tòa án tổng đạt hợp lệ các văn bản tố tụng để ông C đến tham gia các phiên họp kiểm tra việc giao nộp, tiếp cận, công khai chứng cứ và hòa giải, nhưng ông C không hợp tác, không đến Tòa để giải quyết vụ án theo quy định và cũng không có ý kiến hay lời trình bày gì đối với các yêu cầu khởi kiện của bà Bà Huỳnh N.

- Ý kiến của đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Phú Ninh tham gia phiên tòa:

Trong quá trình giải quyết vụ án, Thẩm phán, Hội đồng xét xử, Thư ký và nguyên đơn đã tuân thủ đúng quy định của Bộ luật Tố tụng dân sự; bị đơn ông Phùng C vắng mặt tại các phiên họp, hòa giải và phiên tòa là không thực hiện đúng quy định pháp luật Tố tụng dân sự; Về nội dung: Đề nghị Hội đồng xét xử chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Căn cứ vào tài liệu, chứng cứ đã được xem xét tại phiên tòa, kết quả tranh tụng tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Về thủ tục tố tụng:

Quá trình giải quyết vụ án, Tòa án đã tổng đạt, niêm yết hợp lệ các văn bản tố tụng, giấy triệu tập nhưng bị đơn ông Phùng C không hợp tác, vắng mặt tại các phiên làm việc, phiên tòa mà không có lý do. Vì vậy, căn cứ Khoản 2 Điều 227 và Điều 228 Bộ luật Tố tụng dân sự, Hội đồng xét xử tiến hành xét xử vắng mặt ông Phùng C.

[2] Về nội dung vụ án:

[2.1] Về quan hệ hôn nhân: Bà Huỳnh N và ông Phùng C tự nguyện kết hôn, có đăng ký kết hôn và được Ủy ban nhân dân xã D, huyện P, tỉnh Quảng Nam cấp Giấy chứng nhận kết hôn vào năm 2006 nên hôn nhân của bà N và ông C là hợp pháp.

Theo lời khai của bà N thì trong thời gian chung sống giữa vợ chồng bà xảy ra nhiều bất đồng mâu thuẫn do ông C thường xuyên uống rượu về đập phá, chửi bới, xúc phạm bà. Bà N cũng không còn tình cảm vợ chồng với ông C nên yêu cầu Tòa án giải quyết ly hôn với ông C. Quá trình giải quyết vụ án, ông C đều vắng mặt không có lý do

nên không có lời khai tại Tòa và việc hòa giải không thể tiến hành được. Hội đồng xét xử xét thấy, qua các buổi làm việc tại Tòa án và tại phiên tòa bà N một mực khẳng định bà không còn tình cảm vợ chồng với ông C và cương quyết yêu cầu Tòa án giải quyết cho bà ly hôn với ông C. Mặt khác, năm 2015 bà N từng có đơn yêu cầu Tòa giải quyết ly hôn và vợ chồng bà N ông C đã được Tòa án hòa giải đoàn tụ, nay bà N lại có đơn yêu cầu Tòa giải quyết ly hôn, việc này thể hiện mâu thuẫn vợ chồng vẫn không cải thiện được sau khi về chung sống, cuộc sống hôn nhân vẫn không hạnh phúc. Từ các phân tích trên, xét thấy mâu thuẫn của vợ chồng bà N và ông C đã thực sự trầm trọng, tình cảm vợ chồng không thể hàn gắn, đời sống chung không thể kéo dài, mục đích hôn nhân không đạt được, nên căn cứ Điều 51, Điều 56 Luật Hôn nhân và gia đình cho bà N được ly hôn với ông C là có căn cứ, phù hợp với thực tế.

[2.2] Về nuôi con chung: Vợ chồng bà N và ông C có 01 con chung là Phùng T, sinh ngày 24 tháng 3 năm 2006. Khi ly hôn, bà N có nguyện vọng được trực tiếp nuôi con chung cho đến khi con chung đủ tuổi thành niên; yêu cầu ông C cấp dưỡng nuôi con chung mỗi tháng là 1.500.000 đồng. Xét thấy, nguyện vọng của bà N phù hợp với con chung-Phùng T là muốn được ở với mẹ khi ba mẹ ly hôn. Mặt khác, xét thấy bà N hiện có công việc ổn định, có đủ thời gian và điều kiện chăm sóc con chung nên giao con chung cho bà N trực tiếp nuôi dưỡng cho đến khi con chung đủ tuổi thành niên là phù hợp theo quy định tại các Điều 58, 81 Luật Hôn nhân và gia đình. Ông C không có lời khai tại Tòa án nên Hội đồng xét xử không có cơ sở để xem xét. Đối với yêu cầu được cấp dưỡng nuôi con của bà N, Hội đồng xét xử thấy: Theo bà N trình bày tổng chi phí nuôi dưỡng con chung mỗi tháng là 3.000.000 đồng, và hiện ông C có thu nhập từ nghề xây dựng mỗi tháng khoảng 7.000.000 đồng. Vì vậy, bà N yêu cầu ông C cấp dưỡng nuôi cháu T mỗi tháng 1.500.000 đồng là có cơ sở chấp nhận theo quy định tại Điều 82, Điều 116 Luật Hôn nhân và gia đình và phù hợp với thực tế.

[2.3] Về chia tài sản chung, nợ chung: Bà N không yêu cầu Tòa án giải quyết chia tài sản chung, về nợ chung bà N trình bày vợ chồng bà không nợ ai và cũng không ai nợ vợ chồng bà; về phía ông C không có lời khai về các nội dung này nên Hội đồng xét xử không xem xét giải quyết.

[2.4] Về án phí: Bà Bà Huỳnh N phải chịu án phí hôn nhân và gia đình sơ thẩm, ông Phùng C phải chịu án phí cấp dưỡng nuôi con theo quy định của pháp luật.

[2.5] Về quyền kháng cáo: Các đương sự có quyền kháng cáo bản án theo quy định tại Điều 271, Điều 273 Bộ luật Tố tụng dân sự.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ vào Khoản 1 Điều 28; điểm a khoản 1 Điều 35; điểm a khoản 1 Điều 39; khoản 1 Điều 147, Điều 227, 228 Bộ luật Tố tụng dân sự; các Điều 51, 56, 58, 81, 82,

83, 84, 116, 117 Luật Hôn nhân và gia đình năm 2014; điểm a Khoản 5 Điều 27, điểm a Khoản 6 Điều 27 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Tuyên xử: Chấp nhận toàn bộ yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn bà Bà Huỳnh N.

- Bà Huỳnh N được ly hôn ông Phùng C.

- Giao con chung Phùng T, sinh ngày 24 tháng 3 năm 2006 cho bà Huỳnh N trực tiếp trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng và giáo dục cho đến khi cháu T đủ tuổi thành niên (*đủ 18 tuổi*).

Ông Phùng C có nghĩa vụ cấp dưỡng nuôi con chung Phùng T, sinh ngày 24 tháng 3 năm 2006 mỗi tháng là 1500.000 (*một triệu năm trăm nghìn*) đồng, thời gian cấp dưỡng kể từ tháng 03 năm 2021 cho đến khi con chung Phùng T đủ tuổi thành niên (*đủ 18 tuổi*); phương thức cấp dưỡng nuôi con: hằng tháng.

Kể từ ngày bản án có hiệu lực pháp luật và có đơn yêu cầu thi hành án của người được thi hành án đối với khoản tiền cấp dưỡng nói trên. Nếu bên thi hành án không thi hành đúng khoản tiền nói trên thì hàng tháng bên phải thi hành án còn phải chịu khoản tiền lãi của số tiền còn phải thi hành án theo mức lãi suất quy định tại khoản 2 Điều 468 Bộ luật Dân sự.

Ông Phùng C có quyền, nghĩa vụ trông nom, chăm sóc, giáo dục con chung, không ai được quyền cản trở. Khi cần thiết các bên có quyền yêu cầu thay đổi người trực tiếp nuôi con, mức cấp dưỡng nuôi con.

- Về chia tài sản, nợ chung: Không xem xét giải quyết.

- Bà Huỳnh N phải chịu 300.000 (*ba trăm nghìn*) đồng tiền án phí hôn nhân và gia đình sơ thẩm, được trừ vào số tiền tạm ứng án phí là 300.000 (*ba trăm nghìn*) đồng bà N đã nộp theo biên lai thu tạm ứng án phí, lệ phí Tòa án số 0003916, ngày 15 tháng 10 năm 2020 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện Phú Ninh, tỉnh Quảng Nam. Bà N đã nộp xong án phí hôn nhân và gia đình sơ thẩm. Ông Phùng C phải chịu 300.000 (*ba trăm nghìn*) đồng tiền án phí cấp dưỡng nuôi con chung.

5. Nguyên đơn có quyền kháng cáo bản án trong hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án sơ thẩm (31/3/2021), bị đơn có quyền kháng cáo trong thời hạn 15 ngày, kể từ ngày nhận bản án hoặc kể từ ngày bản án được niêm yết hợp lệ.

Trường hợp bản án được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7 và 9 Luật Thi hành án dân sự. Thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật Thi hành án dân sự.

Nơi nhận:

- TAND tỉnh Quảng Nam;
- VKSND huyện Phú Ninh;
- Chi cục THADS huyện Phú Ninh;
- UBND xã D;
- Các đương sự;
- Lưu hồ sơ vụ án, án văn.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TOÀ**

(Đã ký)

Phan Thị Bé

HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
HỘI THẨM NHÂN DÂN THẨM PHÁN-CHỦ TỌA PHIÊN TÒA

Nơi nhận:

- Các đương sự;
- UBND xã Tam Dân;
- VKSND huyện Phú Ninh;
- Lưu hồ sơ vụ án, án văn.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA

Phan Thị Bé

[1]. Về thủ tục tố tụng: Bị đơn anh Hồ Viết Anh Vũ đã được Tòa án nhân dân huyện Phú Ninh triệu tập họp lệ đến phiên tòa xét xử lần thứ hai nhưng vẫn vắng mặt không có lý do. Theo quy định tại điểm b khoản 2 Điều 227 và khoản 3 Điều 228 Bộ luật tố tụng dân sự, Tòa án vẫn tiến hành xét xử vắng mặt bị đơn anh Vũ.

**TOÀ ÁN NHÂN DÂN
HUYỆN PHÚ NINH
TỈNH QUẢNG NAM**

**CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Phú Ninh, ngày 14 tháng 11 năm 2018

BIÊN BẢN THẢO LUẬN

TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN PHÚ NINH – TỈNH QUẢNG NAM

Với Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Bà Nguyễn Thị Quân.

Các Hội thẩm nhân dân:

1. Ông Trần Minh Bộ.
2. Ông Lê Văn Nguyên.

Vào hồi giờ phút ngày 14 tháng 11 năm 2018, tại Phòng nghị án, Hội đồng xét xử sơ thẩm đã tiến hành thảo luận đối với vụ án dân sự thụ lý số 178/2018/TLST-HNGĐ ngày 02 tháng 10 năm 2018 về “Tranh chấp ly hôn, tranh chấp về nuôi con khi ly hôn” giữa:

- Nguyên đơn: Chị Dương Thị Mỹ Hạnh, sinh năm 1987. HKTT: Thôn An Thọ, xã Tam An, huyện Phú Ninh, tỉnh Quảng Nam. Nơi ở hiện nay: Số 02 đường Ngô Xuân Thu, phường Hòa Hiệp Bắc, quận Liên Chiểu, thành phố Đà Nẵng.

- Bị đơn: Anh Hồ Viết Anh Vũ, sinh năm 1984. Địa chỉ: Thôn An Thọ, xã Tam An, huyện Phú Ninh, tỉnh Quảng Nam.

Căn cứ vào các quy định của pháp luật.

**HỘI ĐỒNG XÉT XỬ THẢO LUẬN, BIỂU QUYẾT,
QUYẾT ĐỊNH CÁC VẤN ĐỀ CỦA VỤ ÁN NHƯ SAU**

1. Về điều luật áp dụng:

Áp dụng khoản 1 Điều 227 và Điều 233, 235 Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015;

Kết quả biểu quyết: 3/3.

2. Về nội dung:

Xét thấy bị đơn anh Hồ Viết Anh Vũ đã được Tòa án triệu tập hợp lệ mà vắng mặt tại phiên tòa lần thứ nhất không có lý do; Hội đồng xét xử quyết định hoãn phiên tòa xét xử sơ thẩm vụ án dân sự thụ lý số 178/2018/TLST-HNGĐ ngày 02 tháng 10 năm 2018, mở vào lúc 15 giờ 30 phút ngày 14 tháng 11 năm 2018.

Thời gian mở lại phiên tòa vào lúc 15 giờ 00 phút ngày 30 tháng 11 năm 2018.

Địa điểm, thành phần tiến hành tố tụng và thành phần tham gia tố tụng vẫn giữ nguyên theo quyết định đưa vụ án ra xét xử số 41/2018/QĐXXST-HNGĐ ngày 02 tháng 11 năm 2018.

Kết quả biểu quyết: 3/3.

Biên bản kết thúc vào hồi giờ phút, ngày 14 tháng 11 năm 2018.

THÀNH VIÊN HỘI ĐỒNG XÉT XỬ THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA

**TOÀ ÁN NHÂN DÂN
HUYỆN PHÚ NINH
TỈNH QUẢNG NAM**

CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

BIÊN BẢN NGHỊ ÁN

Vào hồi 15 giờ 25 phút, ngày 30 tháng 11 năm 2018.

Tại: Phòng nghị án Tòa án nhân dân huyện Phú Ninh.

Với Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Bà Nguyễn Thị Quân

Các Hội thẩm nhân dân:

1. Ông Trần Minh Bộ.
2. Ông Lê Văn Nguyên.

Tiến hành nghị án vụ án dân sự thụ lý số 178/2018/TLST-HNGĐ ngày 02 tháng 10 năm 2018, về việc “Tranh chấp ly hôn, tranh chấp về nuôi con khi ly hôn” giữa:

- Nguyên đơn: Chị Dương Thị Mỹ Hạnh, sinh năm 1987. HKTT: Thôn An Thọ, xã Tam An, huyện Phú Ninh, tỉnh Quảng Nam. Nơi ở hiện nay: Số 02 đường Ngô Xuân Thu, phường Hòa Hiệp Bắc, quận Liên Chiểu, thành phố Đà Nẵng.

- Bị đơn: Anh Hồ Viết Anh Vũ, sinh năm 1984. Địa chỉ: Thôn An Thọ, xã Tam An, huyện Phú Ninh, tỉnh Quảng Nam.

Căn cứ vào tài liệu, chứng cứ đã được xem xét tại phiên tòa, kết quả tranh tụng tại phiên tòa, các quy định của pháp luật.

**HỘI ĐỒNG XÉT XỬ THẢO LUẬN, BIỂU QUYẾT,
QUYẾT ĐỊNH CÁC VẤN ĐỀ CỦA VỤ ÁN NHƯ SAU**

1/Về quan hệ tranh chấp: “Tranh chấp ly hôn, tranh chấp về nuôi con khi ly hôn”
Kết quả biểu quyết: 3/3.

2/ Về điều luật áp dụng:

Áp dụng các Điều 51, 56, 58 Luật hôn nhân và gia đình năm 2014; Các Điều 28, 147, 227, 228 Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015; Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 20/12/2016 quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Kết quả biểu quyết: 3/3.

3/ Về nội dung:

- Về hôn nhân: Cho chị Dương Thị Mỹ Hạnh ly hôn anh Hồ Viết Anh Vũ.

- Về nuôi con chung:

+ Giao 02 con chung là Hồ Viết Dương Phúc, sinh ngày 24/01/2009 và Hồ Viết Dương Khánh, sinh ngày 04/9/2016 cho chị Hạnh trực tiếp nuôi dưỡng.

+ Anh Vũ không cấp dưỡng nuôi con với chị Hạnh.

Anh Vũ có quyền, nghĩa vụ trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục con chung, không ai được quyền cản trở. Khi cần thiết các bên có quyền yêu cầu thay đổi người trực tiếp nuôi con, mức cấp dưỡng nuôi con.

- Về chia tài sản, nợ chung, nợ riêng: Không xem xét giải quyết.

- Về án phí:

+ Án phí hôn nhân và gia đình sơ thẩm: Chị Dương Thị Mỹ Hạnh phải chịu 300.000 (ba trăm nghìn) đồng, nhưng được trừ vào số tiền tạm ứng án phí là 300.000 (ba trăm nghìn) đồng chị đã nộp theo biên lai thu tạm ứng án phí, lệ phí tòa án số 0003415, ngày 02 tháng 10 năm 2018 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện Phú Ninh, tỉnh Quảng Nam.

Kết quả biểu quyết: 3/3.

Nghị án kết thúc vào hồi..... giờ..... phút, ngày 30 tháng 11 năm 2018.

Biên bản nghị án đã được đọc lại cho tất cả thành viên Hội đồng xét xử cùng nghe và ký tên dưới đây.

THÀNH VIÊN HỘI ĐỒNG XÉT XỬ THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA

